

Bản án số: 462 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam;
Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2143/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1997;

Địa chỉ cư trú: Số B, Tổ D, khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Số A, Tổ C, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2024, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Bà Lê Thị L và ông Đặng Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52 ngày 18/11/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng

không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, kinh tế độc lập, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Nay bà L xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Đặng Ngọc T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L cho rằng trong quá trình chung sống với nhau, bà L và ông T không có con chung, không có tài sản chung và cũng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 22/10/2024, bị đơn ông Đặng Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đời sống chung của vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng ông không thể chung sống được với nhau. Từ cuối năm 2017 thì hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc gì nhau, kinh tế độc lập. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn và không thể chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn với bà L1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà L1 không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L1 và sự đồng ý ly hôn của bị đơn ông T. Các bên thừa nhận không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị L1 được ly hôn với ông Đặng Ngọc T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét vì bà L1 và ông T xác định không có. Về án phí: Bà L1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Ngọc T. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà L1 là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 và bị đơn ông Đặng Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 và bị đơn ông Đặng Ngọc T theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đặng Ngọc T cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của bà L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L1 và ông Đặng Ngọc T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52/2016 ngày 18/11/2016. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân của bà L1 và ông T là hợp pháp.

Xét thấy: Sau khi kết hôn bà L1 và ông T đều thừa nhận rằng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Đây thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L1 và ông T là có thật và thật sự trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Đặng Ngọc T.

[3.3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Đặng Ngọc T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho bà Lê Thị L được ly hôn ông Đặng Ngọc T.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000768 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị L, ông Đặng Ngọc T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Bảo